

# ỨNG DỤNG TRUYỆN SONG NGỮ NHẪM NÂNG CAO VỐN TỪ VỰNG CHO SINH VIÊN NĂM NHẤT CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG - QUẢNG NINH

Phạm Hoàng Anh  
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long  
Email: phamhoanganh@daihochalong.edu.vn

**Tóm tắt:** Việc tiếp thu từ vựng là một thách thức lớn đối với người học tiếng Anh như một ngoại ngữ, đặc biệt ở bậc đại học. Nghiên cứu này tìm hiểu hiệu quả của việc đọc truyện song ngữ trong việc nâng cao kiến thức từ vựng cho sinh viên năm nhất ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Hạ Long, Việt Nam. Trong thời gian thực nghiệm kéo dài 12 tuần, 20 sinh viên đã tham gia các buổi đọc có hướng dẫn với 14 văn bản song ngữ. Dữ liệu được thu thập thông qua các bài kiểm tra từ vựng và bảng hỏi trước và sau quá trình can thiệp, sau đó được phân tích bằng SPSS. Kết quả cho thấy sự cải thiện đáng kể về khả năng từ vựng của sinh viên, qua đó cho thấy đọc song ngữ là một công cụ hiệu quả trong việc phát triển từ vựng trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

**Từ khóa:** đọc song ngữ, phát triển từ vựng, truyện song ngữ, tiếp thu từ vựng.

## APPLYING BILINGUAL STORIES TO ENHANCE VOCABULARY DEVELOPMENT AMONG FIRST-YEAR STUDENTS MAJORING IN PRIMARY EDUCATION AT HA LONG UNIVERSITY, QUANG NINH

**Abstract:** Vocabulary acquisition is a major challenge for EFL learners, especially at the tertiary level. This study investigates the effectiveness of bilingual story reading in enhancing vocabulary knowledge among freshmen in the Primary Education program at Ha Long University, Vietnam. Over a 12-week experimental period, 20 students participated in guided reading sessions using 14 bilingual texts. Data were collected through vocabulary tests and questionnaires before and after the intervention and analysed using SPSS. The findings reveal a significant improvement in students' vocabulary performance, suggesting that bilingual reading is an effective tool for vocabulary development in EFL contexts.

**Keywords:** bilingual stories, bilingual reading, vocabulary acquisition, vocabulary development.

Nhận bài: 19/03/2026

Phản biện: 18/04/2026

Duyệt đăng: 23/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, năng lực tiếng Anh ngày càng trở thành một yêu cầu quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam, khi môn học này được giảng dạy bắt buộc ở tất cả các cấp, bao gồm cả bậc đại học. Không chỉ giới hạn trong môi trường học thuật, tiếng Anh còn được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp thực tiễn, đòi hỏi người học không chỉ nắm vững kiến thức ngôn ngữ mà còn phải biết vận dụng một cách hiệu quả. Trong đó, từ vựng giữ vai trò nền tảng vì giúp người học hiểu và diễn đạt ý nghĩa trong giao tiếp. Tuy nhiên, việc xây dựng một vốn từ đủ lớn vẫn là một khó khăn phổ biến đối với nhiều người học. Trước thực tế này, nhiều phương pháp giảng dạy đã được đề xuất, trong đó việc sử dụng tài liệu đọc song ngữ đang thu hút sự quan tâm nhờ khả năng hỗ trợ học từ vựng thông qua việc liên hệ giữa hai ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu vai trò của việc đọc truyện song ngữ trong việc phát triển vốn từ vựng của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hạ Long, Việt Nam.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Việc sử dụng truyện song ngữ trong dạy và học ngoại ngữ được xây dựng trên nhiều cơ sở lý luận liên quan đến vai trò của từ vựng, hoạt động đọc và đọc song ngữ đối với quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Trước hết, nhiều nghiên cứu đã khẳng định tầm quan trọng của từ vựng đối với năng lực ngôn ngữ tổng thể. Richards và Renandya (2002) cùng Schmitt và Schmitt (2020) cho rằng từ vựng là nền tảng của việc học ngôn ngữ, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Marion (2008) và Nation và Webb (2011) cũng xem vốn từ vựng là tiêu chí phản ánh trình độ ngôn ngữ của người học. Theo Nation (2001), kiến thức từ vựng giữ vai trò trung tâm trong giao tiếp hiệu quả và ảnh hưởng lớn đến quá trình lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai.

Nhiều học giả còn chỉ ra mối quan hệ tương hỗ giữa từ vựng và việc sử dụng ngôn ngữ. River (1989) cho rằng trong giao tiếp thực tế, người học thường coi từ vựng có tính ứng dụng trực tiếp hơn ngữ pháp. Laufer và Hulstijn (2001) cùng Read (2004) nhận định rằng hạn chế về vốn từ là một

trong những rào cản lớn khiến người học khó diễn đạt ý tưởng rõ ràng và chính xác. Trong khi đó, Hatch và Brown (1995) cho thấy những người học có vốn từ phong phú thường diễn đạt linh hoạt và gần với người bản ngữ hơn. Điều này cho thấy việc phát triển từ vựng là yếu tố thiết yếu để nâng cao năng lực giao tiếp.

Bên cạnh vai trò của từ vựng, nhiều nghiên cứu cũng khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa đọc và sự phát triển vốn từ. Biemiller (2006) và Bauer và Arazi (2011) cho rằng đọc hiểu và kiến thức từ vựng có mối quan hệ hai chiều. Bromley (2007) nhấn mạnh rằng vốn từ đủ rộng là điều kiện quan trọng để người học đọc hiểu hiệu quả. Lubliner và Smetana (2005) cũng cho thấy người học có vốn từ phong phú thường đọc trôi chảy hơn và đạt kết quả học tập cao hơn. Ngược lại, hoạt động đọc cũng góp phần mở rộng vốn từ nhờ việc người học được tiếp xúc với từ ngữ trong những ngữ cảnh cụ thể. Nation (2001) cho rằng đọc cung cấp nguồn đầu vào ngôn ngữ phong phú không chỉ về từ vựng mà còn về ngữ pháp và cách diễn đạt. Theo Horst (2005), hơn 50% số từ chưa quen thuộc có thể được lĩnh hội thông qua việc đọc các tài liệu phân cấp phù hợp với trình độ người học. Điều này chứng minh rằng đọc là phương thức hiệu quả giúp người học tiếp thu từ vựng một cách tự nhiên.

Trên cơ sở đó, đọc song ngữ được xem là một chiến lược hỗ trợ hiệu quả cho việc phát triển từ vựng. Krashen (1989) giải thích hiệu quả của đọc song ngữ thông qua khái niệm “đầu vào dễ hiểu”, theo đó người học tiếp thu ngôn ngữ tốt hơn khi có thể hiểu nội dung tiếp nhận. Việc sử dụng đồng thời ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích giúp người học giảm bớt khó khăn trong quá trình đọc và hạn chế phụ thuộc vào từ điển. Parker (2006) cùng Hu và cộng sự (2012) cho rằng tài liệu song ngữ giúp giảm áp lực nhận thức, tăng sự tự tin và khuyến khích người học tham gia tích cực hơn vào hoạt động đọc. Ngoài ra, Lichty (2002) và Taylor (2008) cho rằng đọc song ngữ còn giúp hình thành các liên kết giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích, hỗ trợ việc ghi nhớ và vận dụng từ vựng hiệu quả hơn. Nhờ kết hợp đầu vào có ý nghĩa với sự hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ, truyện song ngữ được xem là công cụ hữu ích trong việc phát triển vốn từ vựng và nâng cao năng lực ngôn ngữ cho người học ngoại ngữ.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### \* Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm 20 sinh viên năm nhất ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Hạ Long, được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Tất cả đều là nữ, từ 18 đến 19 tuổi, sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ thứ nhất và có trình độ tiếng Anh ở mức sơ cấp dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông. Mặc dù không chuyên tiếng Anh, sinh viên vẫn phải hoàn thành 4 học phần tiếng Anh và đạt chuẩn đầu ra B1 theo CEFR. Với nền tảng tiếng Anh còn hạn chế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong học tập và nghề nghiệp, nhóm đối tượng này phù hợp để khảo sát hiệu quả của các chiến lược phát triển từ vựng.

### \* Công cụ nghiên cứu

Để đánh giá sự phát triển từ vựng, nghiên cứu sử dụng hai bài kiểm tra trước và sau can thiệp dựa trên 244 từ vựng mục tiêu được trích từ các tài liệu đọc. Các bài kiểm tra được thiết kế nhằm đánh giá nhiều khía cạnh của kiến thức từ vựng như hình thức, nghĩa và cách sử dụng từ. Pre-test bao gồm các dạng bài như nối từ với nghĩa, điền từ, chọn đáp án đúng và xác định từ đồng nghĩa – trái nghĩa. Post-test sử dụng cùng nhóm từ vựng nhưng có điều chỉnh về hình thức bài tập nhằm hạn chế ảnh hưởng của việc quen dạng bài, đồng thời vẫn đảm bảo tính nhất quán trong đánh giá.

### \* Tài liệu nghiên cứu

Tài liệu giảng dạy bao gồm 14 truyện ngắn song ngữ được trình bày bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Mỗi truyện có độ dài khoảng từ 250 đến 400 từ và được lựa chọn phù hợp với trình độ của người học, tương ứng với mức sơ cấp cao đến tiền trung cấp thấp. Việc lựa chọn này nhằm đảm bảo rằng văn bản vừa đủ để tiếp cận nhưng vẫn có tính thử thách để thúc đẩy quá trình học tập. Nội dung các truyện xoay quanh những chủ đề quen thuộc và truyền tải các thông điệp mang tính giáo dục, phù hợp với định hướng nghề nghiệp tương lai của người học là giáo viên tiểu học. Điều này góp phần duy trì hứng thú đọc và tạo điều kiện cho người học tham gia vào quá trình đọc một cách có ý nghĩa.

### \* Quy trình thực hiện

Nghiên cứu được thực hiện trong 12 tuần của năm học 2025–2026 với sự tham gia của 20 sinh viên. Trước khi can thiệp, người tham gia làm bài pre-test để xác định vốn từ vựng ban đầu. Trong quá trình nghiên cứu, sinh viên đọc 14 truyện

song ngữ và tham gia các hoạt động sau đọc như bài tập từ vựng, tóm tắt và kiểm tra ngắn nhằm củng cố kiến thức. Sau giai đoạn can thiệp, sinh viên thực hiện bài post-test để đánh giá sự thay đổi về vốn từ vựng. Dữ liệu từ hai bài kiểm tra được xử lý bằng SPSS và so sánh nhằm xác định

hiệu quả của việc đọc truyện song ngữ đối với sự phát triển từ vựng.

### 2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. *Kết quả nghiên cứu: Ảnh hưởng của truyện song ngữ đối với sự phát triển từ vựng của sinh viên*

**Bảng 1. Thống kê so sánh điểm pre-test và post-test**

	Trung bình	Số lượng	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn
Pre-test	71.75	20	15.117	3.380
Post-test	102.20	20	19.047	4.259

Như thể hiện trong Bảng 1, điểm trung bình của bài kiểm tra đầu ra cao hơn bài kiểm tra đầu vào 30,45 điểm. Điều này cho thấy việc đọc truyện

song ngữ đã góp phần tích cực vào sự phát triển của vốn từ vựng của người học.

**Bảng 2. Hệ số tương quan giữa kết quả pre-test và post-test**

	N	Hệ số tương quan	Giá trị P
Pre-test & Post-test	20	0.940	0.000

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa điểm số của hai bài kiểm tra. Hệ số tương quan đạt 0,940 với giá trị  $p = 0,000$ , chứng tỏ mối quan hệ có ý nghĩa thống kê. Điều này khẳng định rằng việc sử dụng truyện song

ngữ có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển từ vựng của sinh viên. Đồng thời, có thể nhận thấy những sinh viên đạt kết quả cao ở bài kiểm tra đầu vào cũng tiếp tục duy trì thành tích cao ở bài kiểm tra đầu ra.

**Bảng 3. Sự khác biệt giữa pre-test và post-test**

	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn	Khoảng tin cậy 95%	t	df	Giá trị p.
Pre-test – Post-test	-30.450	7.067	1.580	[-33.758; -27.142]	-19.269	19	0.000

Sự khác biệt giữa hai bài kiểm tra được thể hiện trong Bảng 3 với giá trị  $t = 19,269$  và  $p = 0,000$  ( $df = 19$ ), cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 0,05. Kết quả này khẳng định hiệu quả của việc áp dụng phương pháp đọc truyện song ngữ trong việc nâng cao vốn từ vựng cho sinh viên năm nhất.

Nhìn chung, điểm số của bài kiểm tra đầu ra cao hơn đáng kể so với bài kiểm tra đầu vào, với mức tăng trung bình 30,45 điểm trên tổng số 244 điểm, tương đương khoảng 42%. Cụ thể, điểm trung bình tăng từ 71,75 lên 102,20 sau quá trình can thiệp. Điểm cao nhất tăng từ 112 lên 157 (khoảng 1,4 lần), trong khi điểm thấp nhất tăng từ 52 lên 80 (xấp xỉ 1,5 lần).

Những kết quả này cho thấy kiến thức từ vựng của người học đã được cải thiện rõ rệt sau quá trình can thiệp, qua đó khẳng định hiệu quả của việc sử dụng truyện song ngữ trong giảng dạy và học tập từ vựng.

#### 2.3.2. *Thảo luận*

Kết quả của nghiên cứu này cung cấp bằng chứng rõ ràng cho thấy việc tiếp cận với các truyện song ngữ có thể thúc đẩy sự phát triển từ vựng ở người học tiếng Anh như một ngoại ngữ. So sánh giữa điểm số của bài kiểm tra trước và sau can thiệp cho thấy sự cải thiện đáng kể, với điểm trung bình tăng khoảng 42% sau quá trình thực nghiệm. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây về tác động tích cực của việc đọc song ngữ đối với sự phát triển từ vựng (Hu và cộng sự, 2012; Zhang & Webb, 2019).

Sự cải thiện này có thể được lý giải bởi việc người học được tiếp xúc lặp lại với các từ vựng mục tiêu thông qua cả văn bản tiếng Anh, bản dịch tiếng Việt và các hoạt động củng cố sau đọc. Những lần tiếp xúc trong các ngữ cảnh có ý nghĩa như vậy góp phần nâng cao khả năng hiểu và ghi

nhớ từ vựng mới. Các phát hiện cũng cho thấy đọc song ngữ có thể đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ sự phạm hiệu quả, đặc biệt đối với người học có trình độ còn hạn chế. Việc cung cấp nghĩa của văn bản thông qua ngôn ngữ mẹ đẻ giúp giảm bớt rào cản trong quá trình hiểu, từ đó giúp người học xử lý văn bản hiệu quả và tự tin hơn. Khi khả năng hiểu được cải thiện, người học có xu hướng duy trì sự tham gia vào hoạt động đọc, góp phần nâng cao động lực học tập và khuyến khích việc đọc độc lập.

Từ góc độ sự phạm, việc sử dụng tài liệu song ngữ mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Phương pháp này không chỉ giúp hạn chế hiểu sai nội dung mà còn tạo cơ hội để người học tiếp thu và ôn tập từ vựng trong các ngữ cảnh có ý nghĩa. Quá trình này hỗ trợ cả việc hiểu tức thời lẫn củng cố trí nhớ dài hạn thông qua sự tiếp xúc và sử dụng lặp lại từ vựng.

Nhìn chung, nghiên cứu nhấn mạnh tiềm năng của việc đọc song ngữ như một phương pháp hiệu quả trong giảng dạy từ vựng, đặc biệt trong bối

cảnh người học cần thêm sự hỗ trợ để tiếp cận và hiểu ngôn ngữ đích.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khẳng định hiệu quả của việc đọc truyện song ngữ trong việc phát triển từ vựng cho người học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Kết quả trước và sau can thiệp cho thấy điểm số từ vựng của người học tăng trung bình khoảng 42%, cho thấy mối liên hệ tích cực giữa việc đọc văn bản song ngữ và sự phát triển vốn từ.

Bên cạnh việc cải thiện kết quả học tập, tài liệu song ngữ còn giúp nâng cao khả năng hiểu, giảm áp lực khi đọc và tăng hứng thú học tập cho người học. Việc kết hợp ngôn ngữ mẹ đẻ với ngôn ngữ đích cũng hỗ trợ người học ghi nhớ và sử dụng từ vựng hiệu quả hơn, đồng thời thúc đẩy tính tự chủ trong học tập.

Nhìn chung, truyện song ngữ là nguồn học liệu hữu ích có thể được tích hợp vào giảng dạy nhằm hỗ trợ phát triển vốn từ vựng và năng lực ngôn ngữ cho người học tiếng Anh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bauer, E. B., & Arazi, J. (2011). Promoting literacy development for beginning English learners. *The Reading Teacher*, 64(5), 383-386.
- Biemiller, A. (2006). Vocabulary development and instruction: A prerequisite for school learning In DK Dickinson & SB Neuman (Eds.), *Handbook of early literacy research (Vol. II, pp. 41-51)*.
- Bromley, K. (2007). Nine things every teacher should know about words and vocabulary instruction. *Journal of adolescent & adult literacy*, 50(7), 528-537.
- Hatch, E., & Brown, C. (1995). Vocabulary, semantics, and language education. *Cambridge University Press, 40 West 20th Street, New York, NY 10011-4211* (hardback: ISBN-0-521-47409-4; paperback: ISBN-0-521-47942-8).
- Horst, M. (2005). Learning L2 vocabulary through extensive reading: A measurement study. *Canadian modern language review*, 61(3), 355-382.
- Hu, R., Chen, X., & Li, X. (2012). Exploring bilingual books with five Chinese first graders: Children's responses and biliteracy development. *Reading Horizons: A Journal of Literacy and Language Arts*, 52(1), 4.
- Krashen, S. D. (1989). The input hypothesis: Issues and implications.
- Laufer, B., & Hulstijn, J. (2001). Incidental vocabulary acquisition in a second language: The construct of task-induced involvement. *Applied linguistics*, 22(1), 1-26.
- Lichty, P. (2002). It's a small world after all. *Library Talk*, 49(1), 8-9.
- Lubliner, S., & Smetana, L. (2005). The effects of comprehensive vocabulary instruction on Title I students' metacognitive word-learning skills and reading comprehension. *Journal of Literacy Research*, 37(2), 163-200.
- Nation, P. (2001). Learning vocabulary in another language. *Cambridge: Cambridge University*.
- Nation, I. S., & Webb, S. A. (2011). Researching and analysing vocabulary. *Boston, MA: Heinle, Cengage Learning*.
- Parker, M. A. (2006). The contributions of small presses to the field of multicultural children's books. *The University of Arizona*.
- Read, J. (2004). Plumbing the depths: How should the construct of vocabulary knowledge be defined?. In Vocabulary (pp. 70-86). *Routledge*.
- Richards, J. C., & Renandya, W. A. (Eds.). (2002). Methodology in language teaching: An anthology of current practice. *Cambridge University Press*.
- Rivers, W. M. (1983). Communicating naturally in a second language: Theory and practice in language teaching. (No Title).
- Schmitt, N., & Schmitt, D. (2020). Vocabulary in language teaching. *Cambridge University Press*.
- Taylor, L. K., Bernhard, J. K., Garg, S., & Cummins, J. (2008). Affirming plural belonging: Building on students' family-based cultural and linguistic capital through multiliteracies pedagogy. *Journal of early childhood literacy*, 8(3), 269-294.
- Tellier, M. (2008). The effect of gestures on second language memorisation by young children. *Gesture*, 8(2), 219-235.